

QUYẾT ĐỊNH

Giao số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (nay là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 31/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 31/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế hội đặc thù của tỉnh Đắk Lắk năm 2024; Công văn số 1250/SNV-TCBC ngày 08/6/2024 của Sở Nội vụ về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 của UBND huyện Cư Kuin.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 734/TTr-NV ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP (nay là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cư Kuin năm 2025 với 1739 chỉ tiêu, trong đó 1629 người làm việc và 110 hợp đồng lao động hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111, cụ thể như sau:

- Số người làm việc bậc Mầm non: 388 người; Hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111: 56 người.



- Số lượng người làm việc bậc Tiểu học: 696 người; Hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111: 31 người.

- Số lượng người làm việc bậc THCS: 521 người; Hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111: 21 người.

- Trung tâm GDNN - GDTX huyện: 24 người; Hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111: 02 người.

(Đính kèm phụ lục).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục căn cứ số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được giao để quản lý, sử dụng viên chức và người lao động theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Phụ lục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Kho Bạc Nhà nước huyện;
- Lưu: VT, Nội vụ.



Võ Tấn Huy

BẢNG GIAO CHỈ TIÊU SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG 68 (NAY LÀ 111) TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện)

BẬC HỌC		Tổng số lượng người làm việc	VCQL	Số lượng người làm việc		Hợp đồng hỗ trợ, phụ vụ theo ND số 111/2022/N Đ-CP	Ghi chú
				Giáo viên	Nhân viên		
1	2	$3 = (4 + 5 + 6)$	4	5	6	7	8
I. MẦM NON		388	42	313	33	56	
1	MN Hoa Mai	28	3	23	2	4	
2	MN Vành Khuyên	22	2	18	2	3	
3	MN Hoa Pơ Lang	27	3	22	2	5	
4	MN Măng Non	36	3	31	2	5	
5	MN Tuổi Thơ	31	3	26	2	6	
6	MN Hướng Dương	25	2	21	2	1	
7	MN Hoa Cúc	27	3	21	3	4	
8	MN Sơn Ca	26	3	21	2	5	
9	MN Họa Mi	26	3	20	3	3	
10	MN Bông Sen	28	3	22	3	4	
11	MN Hoa Lan	25	3	20	2	4	
12	MN Anh Đào	19	3	14	2	4	
13	MN Hoa Hồng	23	3	18	2	4	
14	MN Hoa Phượng	19	2	15	2	2	
15	MN Vàng Anh	26	3	21	2	2	
II. TIỂU HỌC		696	45	564	87	31	
1	TH Ngô Quyền	20	2	15	3	1	
2	TH Kim Châu	29	1	25	3	1	
3	TH Y Jút	30	2	25	3	1	
4	TH Hoàng Hanh	27	2	22	3	1	
5	TH Nguyễn Bá Ngọc	38	3	31	4	1	
6	TH Nguyễn Văn Bé	39	1	34	4	1	
7	TH Ea Mta	27	2	22	3	1	
8	TH Phạm Hồng Thái	36	3	28	5	2	
9	TH Kim Đồng	33	2	27	4	2	

10	TH Kpă Klong	28	2	22	4	2	
11	TH Nơ Trang Long	37	3	29	5	2	
12	TH Ea Tiêu	35	2	28	5	1	
13	TH Quang Trung	38	3	30	5	1	
14	TH Nguyễn Du	30	2	25	3	1	
15	TH Trần Văn Ôn	37	2	30	5	2	
16	TH Nguyễn Đức Cảnh	28	2	21	5	2	
17	TH Ngô Gia Tự	44	2	38	4	2	
18	TH Nguyễn Chí Thanh	37	2	30	5	2	
19	TH Phan Chu Trinh	28	2	23	3	1	
20	TH Nguyễn Tất Thành	23	2	17	4	2	
21	TH Bế Văn Đàn	25	1	20	4	1	
22	TH Nguyễn Huệ	27	2	22	3	1	
III. TRUNG HỌC CƠ SỞ		521	29	417	75	21	
1	THCS Dray Bhang	37	2	31	4	1	
2	THCS Đinh Bộ Lĩnh	33	2	27	4	1	
3	THCS Giang Sơn	27	2	20	5	1	
4	THCS Ea Bôk	30	2	23	5	1	
5	THCS Nguyễn Đình Chiểu	39	2	32	5	1	
6	THCS 19 8	39	2	32	5	1	
7	THCS Ea Tiêu	40	2	32	6	1	
8	THCS Trung Hòa	46	3	38	5	1	
9	THCS Việt Đức	32	2	25	5	1	
10	THCS Lê Thị Hồng Gấm	40	1	34	5	1	
11	THCS Ea Hninh	38	2	31	5	1	
12	THCS Chư Quynh	29	1	23	5	1	
13	THCS Chư Êwi	37	1	31	5	1	
14	THCS Ea Hu	35	2	28	5	1	
15	PT DTNT THCS	19	3	10	6	7	
16	T.T GDNN-GD TX	24	3	14	7	2	
Tổng cộng		1629	119	1308	202	110	